XÁC ĐỊNH TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC ÂM NHẠC VŨ ĐẠO CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Kim Xuân*
Nguyễn Hữu Hùng**

Tóm tắt:
Kết quả đánh giá thực trạng đổi mới chương trình môn học Âm nhạc vũ đạo (ÂNVĐ) qua việc xác định bộ tiêu chuẩn đánh giá của đối tượng nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng phương pháp chuyên gia Dephi và các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy qua đó xác định bộ tiêu chuẩn và lựa chọn các tiêu chí phù hợp đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao (TDTT) Bắc Ninh.
Từ khóa: Chương trình ÂNVĐ, CĐR, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh...

Establishment of standards and criteria for assessment of dance music curriculum for Bac Ninh Sports University students

Summary:
Based on assessment results of dance music curriculum innovation through determined evaluation criteria of the object of study, we have used the professional method Dephi and common scientific research methods to determine a set of standards and suitable criteria for assessment of dance music curriculum for students of Bac Ninh Sports University.
Keywords: Dance music curriculum, CDR, Bac Ninh Sports University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đánh giá chương trình môn học cụ thể là dạng đánh giá nhu cầu, đây là một quá trình mà dựa vào kết quả của quá trình đánh giá trước đó có thể xác định được các "lỗ hổng" của chương trình môn học ÂNVĐ. Như vậy, "...việc đánh giá chương trình môn học không phải là chỉ đánh giá những gì làm được ở giai đoạn cuối của việc thực thi chương trình mà là một hoạt động diễn ra trước, trong, cuối của quá trình thực hiện chương trình". Chính vì lẽ đó, bản chất của quá trình đánh giá chương trình là liên tục trong suốt các khâu của quá trình (Mô hình Oliva hay CDIO); tiến hành các khâu đổi mới trên cơ sở các ưu và nhược điểm đã được đánh giá, sau đó tiếp tục triển khai vận hành (căn cứ thực tiễn nhu cầu đòi hỏi của xã hội mà chương trình đó có thể tiếp tục hoặc dừng). Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, chúng tôi tiến hành nghiên cứu "Xác định tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá chương trình môn học Âm nhạc vũ đạo cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh".

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp chuyên gia Delphi; phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định cơ sở và nguyên tắc lựa chọn bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Để lựa chọn bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ trên đối tượng nghiên cứu, chúng tôi đã xác định các căn cứ làm cơ sở triển khai như; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT; Nghị quyết số 29 NQ/TW ngày

*PGS.TS, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
**ThS, Bộ môn Thể dục, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, các công trình nghiên cứu khoa học liên quan trong nước và quốc tế; Quy định ổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, cũng như thực trạng đào tạo và thực tiễn nhu cầu sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Từ đó, chúng tôi xác định việc lựa chọn bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ cho đối tượng nghiên cứu cần đảm bảo 5 nguyên tắc: Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu; Nguyên tắc đảm bảo tính khách quan; Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học; Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện, công khai, công bằng và minh bạch và khả thi; Nguyên tắc đảm bảo phát huy tối đa tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, đảm bảo kết hợp hài hòa (cân đối, cân bằng) giữa đánh giá truyền thống với đánh giá phát triển, đánh giá thực tiễn và đánh giá sáng tạo.

2. Thực trạng nhu cầu sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Để có thể áp dụng các chuẩn và tiêu chí đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ cho đối tượng nghiên cứu chúng tôi tiến hành tiến hành lấy ý kiến của 57 chuyên gia, cán bộ giá viên giàu kinh nghiệm, Số phiếu phát ra 57 thu về 56 phiếu hợp lệ hợp lệ chiếm tỉ lệ 98.24%. Phiếu hỏi được trả lời theo 5 mức; Rất cần thiết; Cần thiết; Ít cần thiết; Không cần thiết; Rất không cần thiết. Kết quả phân tích số liệu được chúng tôi trình bày trong bảng 1.

Kết quả bảng 1 cho thấy: Có 98.2% đến

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn nhu cầu sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=56)

TT	Nội dung bộ tiêu chuẩn tiếp cận CDIO2+	Kết quả phỏng vấn				
		Rất cần thiết	Cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết	Rất không cần thiết
1	Đánh giá CĐR(*) chương trình môn học ÂNVĐ tương ứng với nội dung dạy học tiếp cận CDIO	55	1			
		98.2	1.79			
2	Tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học (**) ÂNVĐ (1+)	40	16			
		71.4	28.6			
3	Tác giả luận án đề xuất: Tiêu chuẩn đánh giá tính đặc thù môn học ÂNVĐ với sinh viên ngành TDTT (1+)	52	2	1		1
		92.9	3.57	1.79		1.79
4	Bộ tiêu chuẩn tiếp cận CDIO2+ của Tác giả luận án bao gồm; (I+II+III)	56				
		100				
5	Các ý kiến khác:	0				
		0				
6	Tổng trung bình và tỉ lệ %	**Mức lựa chọn**		**Phân vân**		**Loại bỏ**
		55.5	**99.1**	0.25	0.45	0.25	0.45

* Ghi chú:

- (*) CĐR (tiêu chuẩn 2; thuộc bộ 12 tiêu chuẩn tiếp cận CDIO). CĐR chi tiết, cụ thể đối với những kỹ năng cá nhân và giao tiếp, và những kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống, cũng như các kiến thức chuyên môn, phải nhất quán với các mục tiêu của chương trình, được phê chuẩn bởi các bên liên quan của chương trình.
- (**) Nghiên cứu tại trường đại học Quốc gia Hà Nội, của tác giả Trần Hữu Hoan (2011), Quản lý xây dựng và đánh giá chương trình môn học trình độ đại trong học chế tín chỉ, Luận án tiến sĩ và tác giả Đỗ Thế Hưng (2015), Dạy học tiếp cận CDIO trong đào tạo giáo viên kỹ thuật trình độ Đại học, Luận án tiến sĩ được nghiên cứu tại trường đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên.

100% các chuyên gia đều tán thành cao với mức trung bình của các nội dung đánh gá là 55.5 chiếm 99.1%. Đây là cơ sở để chúng tôi chọn bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Để lựa chọn bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ cho đối tượng nghiên cứu, chúng tôi sử dụng phương pháp chuyên gia Delphi. Phương pháp này được thực hiện theo 07 bước bao gồm 04 giai đoạn (vòng), thời gian giữa hai giai đoạn 01 tháng, trong mỗi giai đoạn chuyên gia phải nêu ý kiến của mình dưới dạng số lượng theo chỉ dẫn sẵn có cụ thể các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1: 15 chuyên gia mà chúng tôi lựa chọn đã thống nhất cho ý kiến về "Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ nên theo hướng tiếp cận CDIO2+ trên cơ sở với 4 nội dung đánh giá tại bảng 1; Đánh giá CĐR(*) chương trình môn học ÂNVĐ tương ứng với nội dung dạy học tiếp cận CDIO; Tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học (**) ÂNVĐ (1+); Tiêu chuẩn đánh giá tính đặc thù môn học ÂNVĐ với sinh viên Đại học TDTT Bắc Ninh (1+), là hoàn toàn phù hợp trên đối tượng nghiên cứu". Kết quả sau khi trưng cầu được chúng tôi tiến hành phân tích, xử lý và đánh giá dự báo bằng trung vị và khoảng tứ phân vị cho thấy cả 4/4 nội dung đưa ra lấy ý kiến đều đều cho thấy khoảng cách tứ vị t= 0.27> $t_{0,25}$ của giá trị phân vị dưới, và t=0.74< $t_{0,75}$ của giá trị phân vị trên, nên đây là cơ sở để chúng tôi tiến hành các bước tiếp theo.

- Giai đoạn 2: Trên cơ sở 03 nội dung tiêu chuẩn đã lựa chọn tại giai đoạn 1, giai đoạn này chúng tối tiến hành phân tích cơ sở dữ liệu từ các công trình nghiên cứu khoa học của tác giả Trần Hữu Hoan, Đỗ Thế Hưng và thực tiễn môn học ÂNVĐ tại trường Đại học TDTT Bắc Ninh và lựa chọn được 44 tiêu chí là câu hỏi và tiến hành trưng cầu. Kết quả tính toán giá trị trung vị và tứ phân vị cho thấy; 02 nội dung tiêu chí mà luận án đưa ra gồm; Đảm bảo tính mục tiêu của môn học với mục tiêu của Nhà trường; Hình thức tổ chức thi và kiểm tra bao quát đủ 03 nội dung học tập môn học ÂNVĐ, bị loại bỏ do có khoảng cách tứ vị dưới t= 0.12< $t_{0,25}$ và giá trị phân vị trên t=0.78> $t_{0,75}$. Bên cạnh đó có 06 nội dung tiêu chí mới được tổng hợp bổ sung và gửi tới các chuyên gia trong giai đoạn 03.

- Giai đoạn 3: Với bộ 03 tiêu chuẩn và 48 tiêu chí, sau khi trưng cầu 01 tháng, chúng tôi tiến hành phân tích, xử lý, đánh giá dự báo bằng trung vị và khoảng tứ phân vị lần 3, kết quả cho thấy cả 48/48 nội dung lấy ý kiến đều có khoảng cách tứ vị t= 0.45> $t_{0,25}$ của giá trị phân vị dưới, và t=0.68< $t_{0,75}$ của giá trị phân vị trên, nên đây là cơ sở để luận án tiến hành áp dụng phương pháp Delphi giai đoạn 4 để đạt sự thống nhất cuối cùng.

- Giai đoạn 4: Giai đoạn này được chúng tôi tiến hành theo như quy trình của giai đoạn 3, Quá trình trưng cầu diễn ra 01 tháng, kết quả đánh giá dự báo bằng trung vị và khoảng tứ phân vị lần 4 đã cho thấy cả 48/48 nội dung lấy ý kiến đều có khoảng cách tứ vị cao với t= 0.47> $t_{0,25}$ của giá trị phân vị dưới, và t=0.73< $t_{0,75}$ của giá trị phân vị trên bao gồm:

I. Chuẩn đầu ra của chương trình ÂNVĐ tiếp cận CDIO (được hệ thống qua đề cương CDIO)

1. Kiến thức chuyên môn và lập luận ngành (technical knowledge and reasoning), đề cương CDIO chỉ rõ các chuẩn đầu ra là những kỹ năng cá nhân và giao tiếp, và kiến tạo sản phẩm, quy trình, và hệ thống.

2. Các kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất Cá nhân (professional and personal skills and attitudes), tập trung vào việc phát triển nhận thức và cảm tính cho các sinh viên, ví dụ, lập luận kỹ thuật và giải quyết vấn đề, thí nghiệm và khám phá tri thức, suy nghĩ tầm hệ thống, tư duy sáng tạo, tư duy phán xét, và đạo đức nghề nghiệp.

3. Giao tiếp, tức là kỹ năng hoạt động trong môi trường nhà trường và xã hội (interpersonal skills and attitudes).

4. Năng lực phát triển, thiết kế, thực hiện và hoàn thiện trong môi trường nhà trường và xã hội. Tức là tập trung vào hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành (CDIO in social and enterprise context).

II. Tiêu chuẩn đánh giá chương trình môn học ÂNVĐ (1+)

5. Phù hợp với chủ trương và chính sách nhà nước.

6. Phù hợp với sứ mệnh, mục đích GDĐT của Trường.

7. Phù hợp với mục đích, mục tiêu của ngành đào tạo.

8. Phù hợp với mục tiêu và bậc đào tạo.

9. Phù hợp với chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

10. Phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học.

11. Nội dung chương trình môn học phải phù hợp với điều kiện của đơn vị.

12. Sự phù hợp giữa nội dung môn học với các hình thức tổ chức triển khai thực hiện chương trình (hình thức tổ chức giảng dạy môn học).

13. Sự phù hợp giữa nội dung, hình thức, phương thức kiểm tra đánh giá với nội dung môn học và hình thức tổ chức giảng dạy môn học.

14. Xác định vị trí môn học trong toàn bộ chương trình đào tạo của ngành.

15. Xác định rõ môn học tiên quyết và kế tiếp của môn học này.

16. Trình bày các phần nội dung của môn học đảm bảo chuẩn cấu trúc qui định.

17. Trình bày nội dung môn học phải theo trình tự logic.

18. Trình bày nội dung môn học theo trình tự đơn giản đến phức tạp, từ cụ thể đến khái quát

19. Tiến trình tích hợp các kỹ năng cần được đào tạo trong môn học theo yêu cầu của chuẩn đầu ra của môn học.

20. Cách hình thức tổ chức triển khai môn học lý thuyết, thực hành, điền dã… phù hợp sự bố trí các phần nội dung môn học.

21. Tích hợp các chủ đề, nội dung trong chương trình môn học.

22. Tích hợp chuẩn đầu ra của môn học với ngành đào tạo trong thực thi chương trình.

23. Tích hợp đào tạo kiến thức môn học và rèn luyện các kỹ năng mềm, giáo dục giá trị sống.

24. Cần kết hợp các hình thức tổ chức, phương pháp, kỹ thuật dạy học trong triển khai các nội dung môn học.

25. Cân bằng giữa mục tiêu hay chuẩn đầu ra và nội dung của môn học.

26. Cân bằng về mức độ rộng và sâu của kiến thức chuyên môn của môn học.

27. Cân bằng về cấu trúc, thời lượng, nội dung môn học này với môn học khác trong cùng khối kiến thức.

28. Cân đối về tỷ lệ giữa nội dung lý thuyết và thực hành của môn học.

29. Cân đối về hình thức tổ chức các hoạt động giảng dạy môn học.

30. Sự gắn kết giữa nội dung và các phần nội dung môn học này với môn học trước (tiên quyết) và môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

31. Sự gắn kết giữa nội dung chương trình và hình thức tổ chức, phương pháp truyền tải chương trình.

32. Sự gắn kết giữa nội dung chương trình và hình thức tổ chức, phương pháp kiểm tra - đánh giá.

33. Cập nhật về mục tiêu của môn học đáp ứng sự thay đổi của nhu cầu xã hội và CĐR.

34. Cập nhật, phương pháp phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

35. Cập nhật về hình thức tổ chức dạy học.

36. Cập nhật về nội dung môn học, về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra – đánh giá môn học và sự phát triển xã hội thông tin.

37. Cập nhật về nội dung môn học để phù hợp với mục tiêu, CĐR của ngành đào tạo và của môn học.

38. Cập nhật về nguồn học liệu bao gồm; giáo trình, tài liệu tham khảo; Website môn học.

39. Nội dung môn học đảm bảo được tính truyền thống, đặc trưng của đào tạo ngành nghề.

40. Nội dung, tính chất môn học đáp ứng được kỳ vọng của xã hội và của người sử dụng sản phẩm lao động.

41. Nội dung môn học, các hoạt động triển khai môn học làm thỏa mãn mong đợi của SV.

42. Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và rèn luyện trong môn học dễ chuyển đổi, ứng dụng trong thực tế đời sống xã hội.

43. Nội dung môn học có bao hàm lượng kiến thức rộng, có độ nén cao và mang tính tích hợp.

44. Chương trình môn học được định kỳ cập nhật thông tin mới.

III. Tiêu chuẩn đánh giá tính đặc thù môn học ÂNVĐ với sinh viên ngành TDTT (1+).

45. Sử dụng các nội dung của môn học ÂNVĐ, như một công cụ nhằm hỗ trợ, phát triển môn chuyên ngành và nâng cao nghiệp vụ sư phạm.

46. Sử dụng các nội dung của môn học ÂNVĐ, để thể hiện phẩm chất năng lực cá nhân với tập thể trong giai đoạn học tập.

47. Vận dụng hiệu quả kiến thức đã được trang bị để chứng minh năng lực cá nhân với nhu cầu xã hội (để bản thân có khả năng tự lập, hoặc phục vụ cá nhân khác hay tập thể hoặc các tổ chức sử dụng lao động).

48. Vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ năng đã được trang bị từ môn học ÂNVĐ, để phát triển tư duy, sáng tạo và có thể chuyển tiếp mọi bối cảnh mới trong các điều kiện cụ thể.

Kết quả này được chúng tôi tiếp tục tổng hợp thành báo cáo và gửi tới các 15 chuyên gia đã được chúng tôi lựa chọn.

Sau khi lựa chọn được 48 tiêu chí, chúng tôi tiến hành đánh giá các tiêu chí đã lựa chọn với 56 chuyên gia cán bộ giáo viên, Phiếu hỏi được trả lời theo 5 mức; Rất cần thiết (4 điểm); Cần thiết (3 điểm); Ít cần thiết (2 điểm); Không cần thiết (1 điểm); Không biết (0 điểm). Chúng tôi tiến hành xác định hệ số Crolbach's Anpha qua phương pháp phân tích toán học thống kê bằng phần mềm SPSS, để loại bỏ các biến không tập chung), thỏa mãn điều kiện:

1. Các giá trị Crolbach's Anpha>0,6 là ổn định và được đảm bảo lựa chọn cùng các tiêu chí sau khi loại các biến thì anpha tăng từ 0.767 lên 0.947 là rất tốt.

2. Các biến có tương quan biến tổng<0,3 hoặc hệ số Crolbach's Anpha khi xóa biến> Crolbach's Anpha sẽ bị loại bao gồm các tiêu chí: 2, 6, 7, 9, 12, 14, 20, 21, 22, 24, 26, 28, 31, 34, 39, 42, 43, 47.

Việc kiểm nghiệm độ tin cậy các nội dung tiêu chí đã lựa chọn, chúng tôi tiến hành đánh giá các tiêu chí đã thỏa mãn các biến Anpha, nội dung kiểm nghiệm độ tin cậy được tiến hành kiểm tra 2 đợt, mỗi đợt cách nhau 7 ngày, các điều kiện cũng như nội dung câu hỏi phỏng vấn hai lần là như nhau. Kết quả tính độ tin cậy r=0.80 đến 0.93, luận án đã lựa chọn được 29/48 tiêu chí, chiếm tỉ lệ 60.41%, các tiêu chí được lựa chọn gồm: số 1, 2, 3, 4, 5, 8, 10, 11, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 23, 25, 27, 29, 30, 32, 33, 36, 38, 40, 41, 44, 45, 46, 48.

KẾT LUẬN

1. Dựa trên cơ sở khoa học và các nguyên tắc lựa chọn, thông qua phỏng vấn và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn và việc áp dụng phương pháp chuyên gia Delphi đã giúp luận án xác định được bộ 3 tiêu chuẩn và 48 tiêu chí theo hướng tiếp cận CIDO2+ của tác giả luận án bao gồm; CIDO tiếp cận đề cương và chuẩn đầu ra môn học; Xác định tiêu chuẩn với tính kế thừa từ công trình nghiên cứu của các tác giả Trần Hữu Hoan, Đỗ Thế Hưng; Các tiêu chuẩn đảm bảo tính phù hợp đặc thù của môn học với sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

2. Kết quả xác định các biến Crolbach's Anpha và độ tin cậy qua 2 lần đánh giá, đã thu được 29/48 tiêu chí của bộ 3 tiêu chuẩn, chiếm tỉ lệ 60.41% đảm bảo độ tin cậy cho phép r=0.80 đến 0.93 với P 95%, để tiếp tục đưa vào nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Nghiệp Chí (1991), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

2. Trần Hữu Hoan (2010), "Quản lý xây dựng và đánh giá chương trình môn học trình độ đại học trong học chế tín chỉ", *Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục.*

3. Đỗ Thế Hưng (2015), "Dạy học tiếp cận CDIO trong đào tạo giáo viên kỹ thuật trình độ Đại học", *Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục.*

4. Hồ Tấn Nhựt, Đoàn Thị Minh Trinh (2010) dịch Edward F. Crawly, Johan Malmqvist, Soren Ostlund, Doris Brodcur, Cải cách và xâv dựng chương trình đào tạo kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận CDIO, NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.

5. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tốn (1995), *Lí luận và phương pháp TDTT,* Nxb TDTT, Hà Nội.

6. Nguyễn Xuân Sinh và Cộng sự (2012), *Lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb TDTT, Hà Nội.

Bài nộp ngày 21/10/2016, phản biện ngày 13/11/2016, duyệt in ngày 5/12/2016